TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/5/2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Lê Thành Tam

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 361/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1990 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Hồng Rạng, xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Ông Dương Thành T1, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2023 và đơn xin vắng mặt của nguyên đơn bà Trần Ngọc T trình bày:

Vào năm 2009 bà T và ông T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang vào ngày 26/02/2014, theo giấy chứng nhận kết hôn số 27/2014, quyển số 01/2013. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Dương Tâm V, sinh ngày 08/7/2013, hiện cháu V đang sống chung với bà T.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở ấp H, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang sinh sống và ly thân kể từ cuối năm 2018 cho đến nay không có đoàn tụ trở lại.

Nay bà T cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Dương Thành T1.

- Về con chung: Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Dương Tâm V, sinh ngày 08/7/2013, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai ngày 01/6/2023 con chung của nguyên đơn và bị đơn cháu Dương Tâm V, sinh ngày 08/7/2013 trình bày: Cha của cháu là ông Dương Thành T1 và mẹ là bà Trần Ngọc T, khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã thông báo cho bị đơn ông Dương Thành T1 biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của bà T. Nhưng ông T1 không có văn bản trả lời và vắng mặt tại tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, đồng thời đều vắng mặt tại các phiên tòa mặc dù đã được tống đạt triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án không tiến hành ghi lời khai của bị đơn và hòa giải cho các đương sự được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn có nơi cư trú tại xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; quá trình tiến hành tố tụng xét xử vụ án, mặc dù đã được triệu tập tống đạt hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Xét, giữa bà T và ông T1 chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp. Bà T cho rằng trong quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được, bà T và ông T1 đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông T1 đều vắng mặt không có lý do, ông T1 không đến phiên tòa, thể hiện ông T1 đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Điều này cũng chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1 là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 9, 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Xét, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Dương Tâm V, sinh ngày 08/7/2013; xét thấy cháu V hiện do bà T nuôi dưỡng, cháu V có nguyện vọng được sống chung với bà T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu cháu V sau khi ly hôn và tránh thay đổi môi trường sống của cháu V, Hội đồng xét xử giao cháu V cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn chưa yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về quyền, nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho nguyên đơn bà Trần Ngọc T được ly hôn với bị đơn ông Dương Thành T1.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Dương Tâm V, sinh ngày 08/7/2013 cho nguyên đơn bà Trần Ngọc T nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn chưa yêu cầu, nên không giải quyết.

4. Về quyền, nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số: 0005599 n gày 25/12/2023. Nguyên đơn không phải nộp thêm tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- Chi cục THADS huyện Mang Thít;
- UBND xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Bích

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Bích